

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
BAN DÂN TỘC-SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU  
TU-SỞ TÀI CHÍNH-SỞ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI-SỞ XÂY DỰNG-SỞ NN&PTNT-  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Số: 538 /HDLN-BDT-KHĐT-TC-GTVT-  
XD-NN&PTNT-KBNN

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 11 năm 2021

### HƯỚNG DẪN

**Tạm thời thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng  
đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/12/2013; Luật Xây dựng ngày 16/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng hiện hành;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH 14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;



Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021;

Liên ngành Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang hướng dẫn tạm thời thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là chương trình MTQG), cụ thể như sau:

## **PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Dự án, công trình xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng người dân thuộc danh mục dự án, công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp với tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 01 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục. Sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần còn lại do nhân dân đóng góp và huy động các nguồn hợp pháp khác tại địa phương. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư xây dựng công trình thuộc chương trình MTQG.

### **II. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương; ngân sách địa phương (nếu có);

2. Huy động nguồn lực trong nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác;

### **III. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN**

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước theo nội dung hướng dẫn và các quy định pháp luật của Nhà nước hiện hành.

2. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác thì phần vốn ngân sách nhà nước của dự án thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Các nguồn vốn huy động đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động vật tư, vật liệu, máy, thiết bị phục vụ thi công, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, theo dõi, quản lý tổng hợp vào quyết toán dự án hoàn thành của công trình, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.



4. Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư và giao Ban quản lý xã (*đối với các công trình có sự tham gia của cộng đồng do UBND xã thành lập*) làm đại diện chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và giúp chủ đầu tư trong việc quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán vốn hàng năm và quyết toán hoàn thành công trình theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Chủ đầu tư trực tiếp thanh toán tại Kho bạc Nhà nước theo khoản 2, mục III, phần thứ hai hướng dẫn này.

5. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Ban quản lý xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

6. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực, thực hiện công khai theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

#### **IV. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT, CƠ QUAN THẨM ĐỊNH (THẨM TRA) KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH; THIẾT KẾ DỰ TOÁN XÂY DỰNG, QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp của Chương trình, trong đó phê duyệt chi tiết các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và bổ sung kế hoạch vốn cho cấp huyện

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển trình UBND tỉnh phê duyệt; Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp của Chương trình trên địa bàn (trong đó phê duyệt chi tiết các công trình thuộc cấp huyện quản lý và bổ sung kế hoạch vốn cho cấp xã) khi có ý kiến tham gia của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về danh mục và dự toán kinh phí của các công trình đảm bảo mục tiêu, kế hoạch, đề án của Chương trình

Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp trên địa bàn huyện trình UBND huyện phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân xã phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp trên địa bàn xã khi có ý kiến tham gia của cơ quan chuyên môn cấp huyện về danh mục và dự toán kinh phí của các công trình đảm bảo mục tiêu, kế hoạch, đề án của Chương trình

Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt thiết kế, dự toán và quyết toán công trình trên địa bàn xã.

4. Ban quản lý xã lập quyết toán công trình hoàn thành gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp xã không đủ năng lực thẩm tra báo cáo



quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để UBND các xã có cơ sở phê duyệt quyết toán công trình.

UBND cấp xã giao cho Ban quản lý xã lập Hồ sơ xây dựng công trình (hồ sơ thiết kế dự toán xây dựng công trình) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp Ban quản lý xã không đủ năng lực lập hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện hoặc phòng, ban chức năng cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình.

## **PHẦN THỨ HAI QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **I. LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

#### **1. Trình tự lập kế hoạch**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm sau tại địa phương; giao cơ quan chuyên môn cấp tỉnh lập, thẩm định kế hoạch; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình, chủ dự án thành phần.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, rà soát, tổng hợp kế hoạch của cấp xã vào kế hoạch của huyện, thẩm định kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm sau của cấp mình trong kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm sau, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm sau của cấp mình trong kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm sau, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

- Dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn 5 năm và hàng năm (*theo mẫu số 02, 03 kèm theo*)

#### **2. Lập Kế hoạch xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng**

2.1. Các thôn, xóm (sau đây gọi tắt là thôn) tổ chức họp để bàn và quyết định đề nghị được đầu tư các công trình thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*có mẫu biểu số 05 kèm theo*).

Kết quả họp thôn phải được lập thành biên bản báo cáo UBND cấp xã trong đó thống nhất việc tự nguyện hiến đất và giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công, tự nguyện đóng góp vật tư, vật liệu, máy, thiết bị phục vụ thi công, ngày công lao động, trực tiếp tổ chức thi công công trình.

2.2. Trên cơ sở đề nghị của các thôn, UBND cấp xã họp xét thống nhất đầu điểm công trình đề nghị hỗ trợ theo chính sách đã quy định.



2.3. UBND cấp xã chỉ đạo các thôn tiến hành kiểm tra, đo đạc, sơ bộ tính toán ngày công, vật liệu, cước vận chuyển cho từng công trình theo thiết kế, dự toán mẫu của các Sở chuyên ngành hướng dẫn.

2.4. UBND cấp xã tổng hợp danh mục, quy mô đầu tư, lượng vật tư, vật liệu hỗ trợ theo từng công trình báo cáo UBND huyện (có mẫu biểu số 02 kèm theo).

2.5. UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra, thẩm định và lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình theo đề nghị của UBND các xã và danh mục thuộc đề án chương trình gửi Ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định danh mục, nhu cầu, cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (có mẫu biểu số 03, 04 kèm theo).

### **3. Thẩm định và phân bổ kế hoạch đầu tư xây dựng**

3.1. Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện và Báo cáo của Ban Dân tộc về nhu cầu kế hoạch thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng và UBND các huyện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo tiêu chí, định mức của chương trình và kế hoạch vốn hàng năm được Chính phủ giao, trong đó phê duyệt chi tiết các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và bổ sung kế hoạch vốn cho cấp huyện

3.2. Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư UBND tỉnh giao, UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn của huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã rà soát, kiểm tra các công trình đầu tư để phê duyệt phù hợp với nguồn vốn được giao hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện có Văn bản xin ý kiến các cơ quan quản lý cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh) về danh mục và dự toán kinh phí thực hiện trước khi phê duyệt phân bổ vốn đầu tư cho Chủ đầu tư và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã. Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư UBND huyện giao, UBND xã phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng công trình (bao gồm cả nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác) sau khi xin ý kiến cơ quan quản lý cấp huyện.

3.3. Thời gian lập, giao kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình thực hiện cơ chế đặc thù của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện cùng với thời gian lập kế hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm.

3.4. Cơ quan Tài chính cấp huyện có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư và Kho bạc Nhà nước cấp huyện có trách nhiệm hạch toán thanh toán vốn đầu tư trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) theo đúng quy định.

3.5. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn: UBND các cấp được điều chỉnh kế hoạch vốn được giao theo quy định của điều 67, Luật Đầu tư công. Đối với UBND cấp huyện và cấp xã được điều chỉnh kế hoạch vốn được giao trong danh mục đã xin ý kiến của các cơ quan cấp trên. Nếu điều chỉnh ngoài danh mục đã xin ý kiến



thì trước khi phê duyệt, UBND cấp huyện và cấp xã phải có ý kiến của cơ quan cấp trên về danh mục bổ sung điều chỉnh.

## **II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

### **1. Trình tự thủ tục đầu tư xây dựng công trình**

- Khi kế hoạch vốn đầu tư được phân bổ, Ban quản lý xã phối hợp với thôn lập đề xuất quy mô xây dựng (vị trí xây dựng, chiều dài tuyến), dự toán xây dựng công trình. Sau khi lập xong dự toán phối hợp với thôn tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân trong thôn, thống nhất nội dung dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

- Căn cứ biên bản họp thôn, Ban quản lý xã lập hồ sơ thiết kế dự toán công trình trình UBND xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp Ban quản lý xã không đủ năng lực lập hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Ban quản lý dự án đầu tư cấp huyện hoặc phòng, ban chức năng cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình gửi UBND xã thẩm định và phê duyệt *(có mẫu biểu số 01 kèm theo)*.

- UBND cấp xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo UBND xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban Giám sát cộng đồng xã, Kế toán ngân sách xã. Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với UBND xã, đồng gửi cho Ban quản lý xã. Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự toán đã lập, Tổ thẩm định phải thống nhất với Ban quản lý xã điều chỉnh, bổ sung; hoàn chỉnh trước khi trình UBND xã phê duyệt.

- Thời gian thẩm định và phê duyệt: Tổ thẩm định của xã có trách nhiệm thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, UBND xã phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán xây dựng công trình và giao cho Ban quản lý xã tổ chức thực hiện *(có mẫu biểu số 06 kèm theo)*.

- Hồ sơ Ban quản lý xã lập, trình thẩm định gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) bản vẽ thi công (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế tương tự và dự toán chi tiết các hạng mục đầu tư công trình xây dựng; (3) Biên bản các cuộc họp của các thôn theo hướng dẫn mẫu lập dự toán xây dựng công trình, biểu tổng hợp dự toán công trình, cụ thể:

- Đối với các công trình xây dựng kênh mương bằng cầu kiện bê tông đúc sẵn: Lập hồ sơ thiết kế theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đối với các công trình xây dựng đường nội đồng, đường trục thôn, xóm và đường ngõ xóm; xây dựng nhà văn hóa thôn, xóm gắn với sân thể thao và khuôn viên, chợ nông thôn, nghĩa trang theo quy hoạch lập dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn của Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng.

*(có các phụ lục, mẫu, thiết kế mẫu kèm theo)*

- Nội dung thẩm định: Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các quy hoạch xây dựng cấp xã; Đánh giá sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công công trình với điều kiện thực tế mặt bằng thi công và thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; mức độ an toàn



và giải pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận; năng lực tự thực hiện của cộng đồng người dân được giao thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá tại địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư được giao thi công công trình.

- Thời gian thẩm định và phê duyệt: Tổ thẩm định của xã có trách nhiệm thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch UBND xã phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán xây dựng công trình và giao cho Ban quản lý xã tổ chức thực hiện.

## **2. Tổ chức thi công, lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng và nghiệm thu công trình**

2.1. Căn cứ kế hoạch phân bổ vốn cho công trình của cấp có thẩm quyền và quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt thiết kế dự toán xây dựng công trình:

Ban quản lý xã phối hợp các Trưởng thôn tổ chức họp với các hộ gia đình được hưởng lợi từ công trình để phổ biến về kế hoạch, hồ sơ thiết kế, dự toán đã phê duyệt; thống nhất kế hoạch triển khai thi công và mức huy động đóng góp của nhân dân để xây dựng đường giao thông thuộc thôn tổ chức thực hiện. Nội dung họp phải lập thành Biên bản họp thể hiện được các nội dung: Thông báo về quy mô xây dựng, kinh phí xây dựng, số ngày công và số tiền cần huy động nhân dân đóng góp và kinh phí hỗ trợ của các, tổ chức, cá nhân (nếu có); kế hoạch, tiến độ thi công. Ban Phát triển thôn có trách nhiệm huy động nhân dân tổ chức triển khai thi công công trình.

### 2.2. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng

a) Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là tham gia thực hiện của cộng đồng.

b) Hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương tham gia thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng phải đáp ứng các điều kiện:

- Hợp tác xã có trụ sở tại địa bàn xã có công trình, dự án (*hoặc trên địa bàn huyện*); cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có công trình, dự án (*hoặc trên địa bàn huyện*), có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện dự án, công trình đầu tư xây dựng.

- Người đại diện của hợp tác xã, cộng đồng người dân, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

c) Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ:

- Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.



- Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (*tối thiểu 3 ngày làm việc*) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

- Hợp tác xã, cộng đồng người dân, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện.

- Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn cộng đồng người dân hoặc tổ chức đoàn thể tốt nhất (*ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ có sử dụng nhân công là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người đồng bào dân tộc thiểu số*) và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng  
(*có mẫu hợp đồng kèm theo*)

- Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày

- Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo công khai mà vẫn chưa lựa chọn được nhà thầu, Ban quản lý xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã bằng văn bản để thông báo lựa chọn nhà thầu là hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn huyện.

### 2.3. Tổ chức, giám sát thi công, nghiệm thu công trình

- Căn cứ Hồ sơ xây dựng được phê duyệt, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch giao vốn chi tiết cho công trình, dự án, Ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng người dân, tổ chức được giao để tổ chức thi công.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công. Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.

- Ban quản lý xã có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã để thông báo cho thôn, Tổ giám sát cộng đồng thôn để tổ chức nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, thành phần tham gia nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát cộng đồng xã; Ban quản lý công trình thủy lợi xã (đối với công trình thủy lợi); đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công; các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân xã quyết định.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng được tổng hợp (*theo mẫu biểu số 07*) kèm theo biên bản nghiệm thu, được lập thành 03 bản gửi Ban quản lý xã và lưu tại thôn (do trưởng thôn lưu). Chủ đầu tư thanh toán khối lượng hoàn thành kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng của thôn và mẫu biểu.

- Đối với các công trình kiên cố kênh mương thủy lợi: Ban quản lý xã có trách nhiệm bàn giao một bộ hồ sơ thiết kế, dự toán và các văn bản pháp lý có liên quan kèm theo cho Ban quản lý công trình xã để đưa vào lưu trữ hồ sơ công trình. Ban quản lý công trình thủy lợi xã có trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức quản lý, khai



thác, bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **III. MỞ MÃ DỰ ÁN, MỞ TÀI KHOẢN VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

#### **1. Mở mã dự án, mở tài khoản**

##### **1.1. Mở mã dự án:**

Chủ đầu tư căn cứ quyết định phê duyệt thiết kế dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt làm thủ tục đề nghị Sở Tài chính mở mã dự án cho từng công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

##### **1.2. Mở tài khoản:**

- Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phục vụ cho việc kiểm soát thanh toán vốn cho các công trình.

- Hồ sơ mở tài khoản theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước nơi Chủ đầu tư mở tài khoản giao dịch có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

#### **2. Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư**

Hồ sơ và thủ tục thanh toán vốn đầu tư cho các công trình thực hiện theo Nghị định số 11/2020/ND-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước. Việc giao hồ sơ và nhận kết quả được thực hiện qua trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước (gọi tắt là Dịch vụ công).

2.1. Hồ sơ làm căn cứ kiểm soát thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung) bao gồm:

- Kế hoạch phân bổ vốn cho công trình của cấp có thẩm quyền và dự toán công trình; Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với tổ chức hoặc cá nhân nhận thầu thi công xây dựng công trình và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: Phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có);

##### **2.2. Tạm ứng vốn:**

Ngoài hồ sơ của dự án theo quy định tại mục 2.1, Chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Giấy rút vốn đầu tư.

2.3. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán).



- Ngoài hồ sơ của dự án theo quy định tại tiết 2.1 khoản 2, mục III, phần thứ hai, Chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành sau:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (Mẫu số 08b - Ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá và giá trị đề nghị thanh toán;

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);

+ Giấy rút vốn đầu tư.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo quy trình tại Quyết định số 5657/QĐ-KBNN ngày 28/12/2016 của Kho bạc Nhà nước ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước và các văn bản thay đổi bổ sung; Thời gian giải quyết hồ sơ theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

### **3. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán công trình hoàn thành**

#### **3.1. Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm**

Chủ đầu tư thực hiện lập báo cáo quyết toán theo quy định của cấp có thẩm quyền việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm (*có mẫu biểu số 08 kèm theo*).

#### **3.2. Quyết toán công trình hoàn thành**

- Các dự án đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành đưa vào sử dụng và được thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại hướng dẫn này.

- Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; kiểm toán quyết toán công trình hoàn thành; định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

#### **3.3. Tổ chức thực hiện**

- Ban quản lý xã lập hồ sơ quyết toán công trình theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) gửi Tổ thẩm tra quyết toán của xã để thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Ủy ban nhân dân xã xem xét phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp xã không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị



Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để có cơ sở giúp UBND các xã phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành theo đúng quy định.

- Hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành được lập thành 03 bộ (01 bộ lưu tại Ban quản lý xã, 02 bộ lưu tại UBND xã).

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- + Chủ đầu tư.
- + Kho bạc Nhà nước (cấp huyện).
- + Phòng Tài chính - Kế hoạch (cấp huyện).
- + Ban quản lý xã.
- + Ban giám sát xã.

Ban Tài chính xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban quản lý xã, thôn quyết toán số thu và sử dụng các khoản huy động đóng góp của nhân dân, tính toán xác định số chênh lệch giữa số thực thu với số thực chi cho công trình (bao gồm: đóng góp ủng hộ bằng tiền, vật tư, ca máy và ngày công lao động (quy tiền)), chi tiết kinh phí sử dụng từ nguồn hỗ trợ của Ngân sách nhà nước gồm kinh phí máy trộn bê tông và kinh phí công tác quản lý. Việc xử lý số chênh lệch thu - chi (nếu có) phải được nhân dân bàn và quyết định.

UBND cấp xã lập báo cáo tình hình thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để công khai cho nhân dân biết, việc thực hiện công khai các khoản thu đóng góp, ủng hộ và sử dụng được thực hiện niêm yết tại trụ sở và công bố công khai kinh phí trong các cuộc họp với nhân dân. Đồng thời gửi báo cáo tình hình thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân cho Ủy ban nhân dân huyện.

#### **4. Quản lý và sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư**

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của từng xã của cấp có thẩm quyền, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo mẫu số 01/BDT-BBGN. UBND cấp xã tiếp nhận phải mở sổ theo dõi, ghi tăng tài sản, thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định. UBND cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý sử dụng tài sản được giao theo đúng quy định, bảo đảm hiệu quả.

### **PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo các Sở chuyên ngành để kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Ban



Dân tộc có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình triển khai thực hiện các công trình, dự án theo cơ chế đặc thù.

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hiến đất để xây dựng công trình, đóng góp ngày công lao động, vật liệu (nếu có) chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho việc triển khai thi công xây dựng công trình.

Hướng dẫn trên có hiệu lực thi hành đến khi Chính phủ ban hành cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Đối với các công trình được phê duyệt trước ngày Nghị định Chính phủ ban hành cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia có hiệu lực thì được thực hiện quy trình tại hướng dẫn này.

Sau khi các Bộ, Ngành Trung ương ban hành cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, liên ngành có trách nhiệm rà soát tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện theo quy định./.

 <p><b>BAN DÂN TỘC</b> <b>TRƯỞNG BAN</b></p>	 <p><b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b></p>	 <p><b>SỞ TÀI CHÍNH</b> <b>K.T. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH</b> <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>
Ma Quang Hiếu	 <p><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b> <b>Nguyễn Thị Bích Ngọc</b></p>	Trần Ngọc Thủy
 <p><b>SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> <b>K.T. GIÁM ĐỐC</b> <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>	 <p><b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> <b>K.T. GIÁM ĐỐC</b> <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>	
Trần Văn Sang	Nguyễn Công Hàm	
 <p><b>SỞ XÂY DỰNG</b> <b>SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG</b> <b>K.T. GIÁM ĐỐC</b> <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>	 <p><b>KHO BẠC NHÀ NƯỚC TUYÊN QUANG</b> <b>K.T. GIÁM ĐỐC</b> <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>	
Hà Quốc Dũng	Trương Thị Sâm	